TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày: 05-4-2018
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lựu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Th Phong;

2. Ông Phan Quang Đỉnh.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLST – DS ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên Tòa số 18/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phan T T,** sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 19, NĐC, phường 1, thành phố B, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Phạm Thị Th Th**, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B1, xã H L, huyện BĐ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/09/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phan T T trình bày:*

Vào ngày 23/6/2016 anh có cho chị Phạm Thị Th Th vay số tiền là 600.000.000 đồng. Trong đó có 300.000.000 đồng tiền mặt và 300.000.000 đồng chuyển khoản cho chị Th vào số tài khoản 72110000564413 mở tại Ngân hàng đầu

tư và phát triển Việt Nam. Chị Th hẹn đến ngày 30/6/2016 sẽ trả lại cho anh, hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/ tháng, hai bên có lập tờ giấy mượn tiền bằng việc chị Th điền vào mẫu do anh soạn sẵn và chị Th có ký tên vào biên bản nhận nợ này. Trong quá trình thực hiện chị Th không trả vốn và lãi lại cho anh, như vậy chị Th vẫn còn nợ anh số tiền gốc là 600.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 29/6/2016 anh tiếp tục cho chị Th vay số tiền là 80.000.0000 đồng, cho vay bằng tiền mặt và đã giao cho chị Th đầy đủ, hai bên thoả thuận đến ngày 10/7/2016 sẽ trả lại, thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, lãi chỉ thoả thuận miệng bên ngoài chứ không ghi vào biên bản, trong lần mượn tiền này hai bên cũng có lập tờ giấy mượn tiền, chị Th điền vào mẫu sẵn do anh lập và có ký tên vào biên bản. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này chị Th cũng không thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi cho anh.

Tổng cộng hai lần vay thì chị Th còn nợ anh số tiền là 680.000.000 đồng. Trước đây theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2017 anh yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vốn là 680.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất là 2%/ tháng tính từ tháng 7/2016 cho đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính đến tháng 09/2017 là 15 tháng với số tiền là 15 tháng x 2% x 680.000.000 đồng = 204.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh Phan T T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, thay đổi về yêu cầu tính lãi suất. Cụ thể anh yêu cầu tính lãi số tiền 680.000.000 đồng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định với mức lãi là 0,75%/ tháng, tính từ ngày 01/8/2016 đến ngày 01/4/2018.

** Trong các lần mời hoà giải, làm việc cũng như tại phiên toà chị Phạm Thị Th Th đều vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Có đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành tốt, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa. Riêng bị đơn vắng mặt tại tất cả các lần hòa giải, cũng như xét xử là không chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan hệ tranh chấp: Tòa án xác định đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng quan hệ tranh chấp.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 305; 471; 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Phan T T đối với chị Phạm Thị Th Th. Buộc chị Th phải trả cho anh T số tiền vay là 680.000.000 đồng và buộc chị Th phải có nghĩa vụ trả lãi suất cho anh T từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 01/8/2016 đến ngày 01/4/2018 với mức lãi suất là 0,75%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của anh T tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

- Qua biên bản xác minh vào ngày 28/11/2017 tại Công an xã H L thì xác định chị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện không còn sinh sống tại địa phương từ tháng 03/2017 cho đến nay và khi đi khỏi địa phương chị Th không có thông báo cho Công an xã biết và cũng không thông báo địa chỉ mới.

- Trong hợp đồng mượn tiền được lập giữa hai bên đã thể hiện đầy đủ địa chỉ của bên vay là ấp 1, xã H L nhưng sau đó chị Th bỏ địa phương đi mà không không báo cho anh T, cũng như nơi chị Th đăng ký hộ khẩu thường trú xem như là cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Toà án tiến hành các thủ tục tố tụng tại nơi ghi trong hợp đồng để xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

- Chị Phạm Thị Th Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ tranh chấp và Điều luật áp dụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh T yêu cầu chị Th trả tiền nợ vay với số tiền là 680.000.000 đồng và tiền lãi nên đây là tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo giấy mượn tiền giữa anh T và chị Thđược xác lập vào tháng 6 năm 2016 nên căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

2. Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa hôm nay anh T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, thay đổi về yêu cầu tính lãi suất. Cụ thể anh yêu cầu tính lãi số tiền 680.000.000 đồng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định với mức lãi là 0,75%/ tháng, tính từ ngày 01/8/2016 đến ngày 01/4/2018. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu

khởi kiện của anh T không vượt quá yêu cầu khởi kiện lúc ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét chứng cứ mà anh T cung cấp là 02 tờ giấy mượn tiền đề ngày 23 tháng 6 năm 2016 (bút lục 38), ngày 29/6/2016 (bút lục 39), sao kê tài khoản ngân hàng (bút lục 37).

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

Các Giấy mượn tiền điều thể hiện đầy đủ những nội dung như người mượn tiền, địa chỉ, cũng như có ký xác nhận của người mượn tiền là cùng một người tên Phạm thị Th Th; Theo giấy mượn tiền ngày 29 tháng 6 năm 2016 chị Thcó mượn anh T số tiền 80.000.000 đồng và Theo giấy mượn tiền ngày 23 tháng 6 năm 2016 chị Thcó mượn của anh T số tiền 600.000.000 đồng. Trong đó nhận tiền mặt 300.000.000 đồng và chuyển khoản 300.000.000 đồng. Theo sao kê tài khoản khách hàng ngày 23/6/2016 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Bến Tre cũng đã thể hiện số tiền 300.000.000 đồng đã chuyển khoản xong. Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định rằng chị Thcó mượn của anh T số tiền 680.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp được thể hiện trong Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 174/2017/TB-TA và 175/2017/TB-TA ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại nhưng phía bị đơn không có ý kiến cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh là vi phạm nghĩa vụ chứng minh theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Qua việc cho vay này thấy rằng anh T đã thực hiện hết trách nhiệm của người cho vay là đã giao tiền cho chị Th đầy đủ nhưng chị Th sau khi vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh T khởi kiện yêu cầu chị Thphải trả cho anh số tiền 680.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất của anh T đối với số tiền 680.000.000 đồng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định với mức lãi là 0,75%/ tháng, tính từ ngày 01/8/2016 đến ngày 01/4/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy mượn tiền ngày 23/6/2016 và giấy mượn tiền ngày 29/6/2016 không có ghi mức lãi suất nhưng theo hai giấy mượn tiền đều có hẹn thời hạn trả. Đối với giấy mượn tiền ngày 23/6/2016 thời hạn trả là ngày 30/6/2016; giấy mượn tiền ngày 29/6/2016 thời hạn trả là ngày 10/7/2016. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ ngày 10/7/2016 chị Th không trả được nợ anh T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh T yêu cầu tính lãi từ sau ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 01/8/2016 đến ngày xét xử là có căn cứ.

Mức lãi suất anh T yêu cầu là 0,75% tháng phù hợp với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công văn số

244/TANDTC-KHXX ngày 05/11/2012 của Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính từ ngày 01/8/2016 đến ngày 01/4/2018 là 21 tháng với số tiền 680.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng. Cụ thể: 680.000.000 đồng x 21 tháng x 0,75%/tháng = 107.100.000 đồng.

Tổng cổng vốn và lãi chị Phạm thị Th Th phải trả cho anh Phan T T là: 787.100.000 đồng (Bảy trăm tám mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của anh T được chấp nhận nên chị Thphải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Phạm Thị Th Th phải chịu: {[787.100.000 đồng = [20.000.000 đồng + [4% x 387.100.000 đồng]} = 35.484.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 305, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của anh Phan T T đối với chị Phạm Thị Th Th.

2/ Buộc chị Phạm Thị Th Th phải có nghĩa vụ trả cho Phan T T số tiền 787.100.000 đồng (Bảy trăm tám mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó vốn gốc là 680.000.000 đồng, tiền lãi là 107.100.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa Th toán xong tất cả các khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Phạm Thị Th Th phải chịu: 35.484.000 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả 19.260.000đ (Mười chín triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí cho anh Phan T T theo biên lai thu số 0006092 ngày 26/10/2017 của chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với chị Phạm Thị Th Th vắng mặt tại phiên Tòa cũng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng GĐKT);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu